

CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I - MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Rèn kĩ năng chính tả :

1. Nhớ – viết lại chính xác nội dung, đúng chính tả, trình bày đúng (theo thể thơ lục bát) 10 dòng thơ đầu của bài *Về quê ngoại*.

2. Làm đúng bài tập phân biệt tiếng có âm đầu hoặc dấu thanh dễ lẫn : tr/ch ; hoặc dấu hỏi/dấu ngã.

II - ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC

Ba tờ phiếu khổ to viết nội dung (BT2a) hoặc các câu đố (BT2b).

III - CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

A - KIỂM TRA BÀI CŨ

Một HS đọc cho 2 hoặc 3 bạn viết bảng lớp (cả lớp viết trên nháp hoặc bảng con) những từ ngữ trong BT(2) tiết CT trước : *châu chấu, chạt chội, trật tự, châu hẩu* (MB), hoặc *cơn bão, vẻ mặt, sữa, sửa soạn* (MN).

B - DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS nhớ – viết

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị*

– GV đọc 10 dòng đầu bài thơ *Về quê ngoại*.

– Hai HS đọc thuộc lòng đoạn thơ. Cả lớp đọc thầm theo để ghi nhớ.

– GV yêu cầu HS nhắc lại cách trình bày đoạn thơ viết theo thể lục bát (câu 6 lùi vào 2 ô so với lề vở, câu 8 lùi vào 1 ô so với lề vở). Sau đó, cho HS đọc

thăm lại đoạn thơ, tự viết những chữ các em dễ mắc lỗi để ghi nhớ chính tả. Chú ý các từ ngữ : *hương trời, riu rít, rực màu, lá thuyền, êm đềm...*

b) *Hướng dẫn HS viết bài*

- GV cho HS ghi đầu bài, nhắc nhở cách trình bày.
- HS đọc lại 1 lần đoạn thơ trong SGK để ghi nhớ.
- HS gấp SGK, tự nhớ lại đoạn thơ và viết vào vở.

c) *Chấm, chữa bài*

HS tự chữa lỗi bằng bút chì ra lề vở. GV chấm khoảng 5 đến 7 bài, nêu nhận xét chung về nội dung (HS có nhớ đoạn thơ không), chính tả, chữ viết, cách trình bày bài.

3. Hướng dẫn HS làm BT(2) – lựa chọn

- HS đọc yêu cầu của bài. GV chọn cho các em làm BT2a hay 2b. HS làm bài CN. GV theo dõi HS làm bài.

- GV dán 3 tờ phiếu lên bảng ; mời 3 tổp HS (mỗi tổp 6 em – với BT2a ; 7 em với BT2b) tiếp nối nhau điền *tr/ ch* vào 6 chỗ trống (BT2b) ; (điền dấu hỏi/dấu ngã trên 7 dòng có chữ in đậm, sau đó ghi lời giải hai câu đố – BT2b). Cả lớp và GV nhận xét, kết luận nhóm thắng cuộc.

Với lời giải câu đố 2 (*mặt trăng* – BT2b), GV giải nghĩa thêm : Đầu tháng, mặt trăng lưỡi liềm có 2 đầu nhọn như 2 cái sừng. Đến giữa tháng, mặt trăng tròn vành vạnh. Từ ngày 20 âm lịch, mặt trăng khuyết dần. Đến cuối tháng lại có 2 đầu nhọn như 2 cái sừng.

- Một số HS đọc lại các câu ca dao hoặc câu đố.

(Lời giải :

Câu a) công *cha* – *trong* nguồn – *chảy* ra – kính *cha* – cho *tròn* – *chữ* hiếu

Câu b) *lưỡi* – *những* – *thăng* băng – *đế* – *lưỡi*. Giải câu đố : cái lưỡi cày.

thở bé – *tuổi* – *nửa* chừng – *tuổi* – *đã* già. Giải câu đố : mặt trăng vào những ngày đầu tháng, giữa tháng, cuối tháng.)

4. Củng cố, dặn dò

GV yêu cầu HS về nhà HTL câu ca dao và hai câu đố trong BT(2) để đố lại các bạn ; tiếp tục chuẩn bị nội dung để làm tốt BT2, tiết TLV tới.